ĐỀ 01	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

Họ và tên: ..... Lớp: ..... Điểm: .....

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm) • Mỗi câu 0,5 điểm

Câu 1. Số "ba mươi bảy triệu không trăm linh năm nghìn hai trăm mười sáu" viết là:

A. 37 050 216 B. 37 005 216

C. 37 500 216 D. 37 005 260

Câu 2. Giá trị của chữ số 6 trong số 46 827 315 là:

A. 600 000 B. 6 000

C. 60 000 000 D. 6 000 000

Câu 3. Làm tròn số 8 764 350 đến hàng trăm nghìn được:

A. 8 700 000 B. 8 760 000

C. 8 800 000 D. 9 000 000

Câu 4. Năm 1896 thuộc thế kỉ nào?

A. XVIII B. XIX

C. XX D. XXI

Câu 5. 4 tấn 7 tạ bằng bao nhiêu ki-lô-gam?

A. 4 700 kg B. 4 070 kg

C. 4 007 kg D. 47 kg

Câu 6. Giá trị của 4 800 : 6 + 125 × 4 là:

A. 1 800 B. 850

C. 2 100 D. 1 300

Câu 7. Phân số nào bằng $\frac{2}{3}$?

A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{6}{12}$

C. $\frac{4}{6}$ D. $\frac{5}{9}$

Câu 8. Trung bình cộng của 18, 26 và 40 là:

A. 28 B. 24

C. 27 D. 30

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 38 475 + 26 918	b) 90 006 − 45 782 ....
c) 3 216 × 4	d) 7 248 : 8 ....

Bài 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 tấn 6 yến = … kg	b) 7 phút 25 giây = … giây
c) 5 m² 8 dm² = … dm²	d) 250 năm = … thế kỉ … năm

Bài 3. (1 điểm) Tính giá trị biểu thức hoặc tính bằng cách thuận tiện:

a) (25 400 − 7 600) : 4

.....

b) 2 315 × 19 + 2 315 × 81

.....

Bài 4. (1 điểm) Quan sát hình chữ nhật có chiều dài 9 cm và chiều rộng 5 cm.

a) Tính chu vi hình chữ nhật.

.....

b) Tính diện tích hình chữ nhật.

.....

Bài 5. (1 điểm) Một kho có 1 250 kg gạo. Ngày thứ nhất bán 285 kg, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 47 kg. Hỏi kho còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. (1 điểm) Biểu đồ cho biết số cây bốn lớp 4A, 4B, 4C, 4D trồng được.

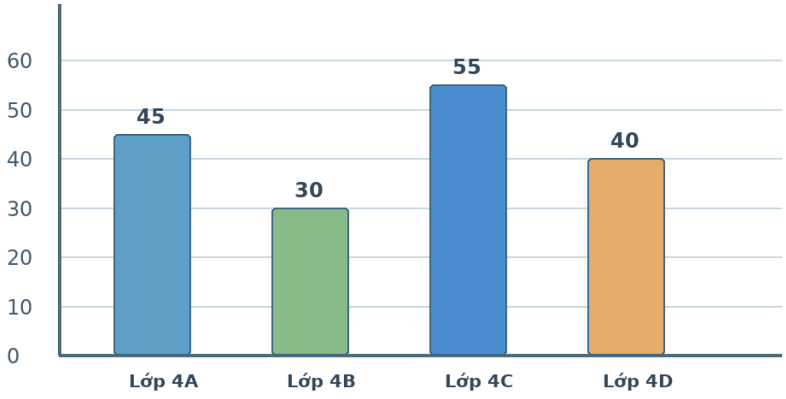

a) Lớp nào trồng được nhiều cây nhất?

.....

b) Lớp 4C trồng nhiều hơn lớp 4B bao nhiêu cây?

.....

c) Cả bốn lớp trồng được bao nhiêu cây?

.....

— HẾT —

ĐỀ 02	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm) • Mỗi câu 0,5 điểm

Câu 1. Số chẵn bé nhất có sáu chữ số là:

A. 100 000 B. 100 001

C. 999 998 D. 111 110

Câu 2. Trong số 51 903 678, lớp nghìn gồm các chữ số:

A. 51 B. 678

C. 903 D. 51 903

Câu 3. Làm tròn 5 427 500 đến hàng nghìn được:

A. 5 427 000 B. 5 428 000

C. 5 400 000 D. 5 430 000

Câu 4. 7 giờ 15 phút bằng:

A. 415 phút B. 425 phút

C. 450 phút D. 435 phút

Câu 5. Giá trị của 64 000 − 240 × 5 là:

A. 63 760 B. 60 800

C. 62 800 D. 31 880

Câu 6. Góc có số đo 65° là:

A. góc vuông B. góc nhọn

C. góc tù D. góc bẹt

Câu 7. Hình nào có hai góc nhọn và hai góc tù?

A. Hình A B. Hình B

C. Hình C D. Hình D

Câu 8. Số nào thuộc dãy số 2, 4, 6, 8, …?

A. 80 B. 47

C. 57 D. 91

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 56 728 + 17 645

.....

.....

b) 80 305 − 26 987

.....

.....

c) 4 725 × 3

.....

.....

d) 9 648 : 6

.....

.....

Bài 2. (1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Giá trị của chữ số 7 trong số 3 570 842 là 70 000. ☐

b) Chữ số 3 trong số 3 570 842 thuộc lớp triệu. ☐

c) Làm tròn 3 570 842 đến hàng chục nghìn được 3 580 000. ☐

d) Số 3 570 842 là số lẻ. ☐

Bài 3. (1 điểm) Tính giá trị biểu thức hoặc tính bằng cách thuận tiện:

a) 36 900 − (8 400 + 5 600)

.....

b) (7 560 + 2 440) : 5

.....

Bài 4. (1 điểm) Tính các phép tính với phân số:

a) $\frac{3}{7} + \frac{2}{7} = \ldots$

.....

b) $\frac{7}{9} - \frac{4}{9} = \ldots$

.....

Bài 5. (1 điểm) Một đội vận chuyển chở 650 kg rau trong chuyến đầu. Chuyến thứ hai chở nhiều hơn chuyến đầu 125 kg. Chuyến thứ ba chở ít hơn chuyến thứ hai 80 kg. Hỏi cả ba chuyến đội đó chở được bao nhiêu ki-lô-gam rau?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. (1 điểm) Một khu vườn hình vuông có cạnh 7 m. Tính chu vi và diện tích khu vườn.

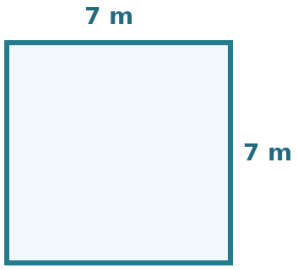

a) Chu vi khu vườn.

.....

b) Diện tích khu vườn.

.....

— HẾT ĐỀ —

ĐỀ 03	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm) • Mỗi câu 0,5 điểm

Câu 1. Giá trị của chữ số 4 trong số 84 206 571 là: A. 400 000 B. 40 000 000 C. 400 000 000 D. 4 000 000	**Câu 2.** Làm tròn số 5 678 945 đến hàng chục nghìn được: A. 5 680 000 B. 5 670 000 C. 5 700 000 D. 5 679 000
Câu 3. Năm 2026 thuộc thế kỉ nào? A. XIX B. XX C. XXI D. XXII	**Câu 4.** 6 tạ 8 kg bằng: A. 6 008 kg B. 608 kg C. 68 kg D. 680 kg
Câu 5. Số x thỏa mãn x − 2 450 = 7 550 là: A. 10 000 B. 5 100 C. 9 000 D. 11 000	**Câu 6.** Phân số nào bằng $\frac{2}{5}$? A. $\frac{4}{8}$ B. $\frac{8}{25}$ C. $\frac{10}{20}$ D. $\frac{6}{15}$
Câu 7. Góc có số đo 180° là: A. góc nhọn B. góc bẹt C. góc tù D. góc vuông	**Câu 8.** Trung bình cộng của 32, 44 và 56 là: A. 42 B. 46 C. 44 D. 48

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 48 609 + 31 275	b) 70 000 − 38 456 ....
c) 2 307 × 5	d) 8 856 : 8 ....

Bài 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9 tạ 4 yến = … kg	b) 6 phút 5 giây = … giây
c) 7 dm² 40 cm² = … cm²	d) 6 thế kỉ = … năm

Bài 3. (1 điểm) Tính giá trị biểu thức hoặc tính bằng cách thuận tiện:

a) 1 725 + 3 875 + 2 275 + 2 125

.....

b) 8 400 : (7 × 3)

.....

Bài 4. (1 điểm) Hình chữ nhật có chu vi 38 cm và chiều dài 12 cm.

a) Tính chiều rộng hình chữ nhật.

.....

b) Tính diện tích hình chữ nhật.

.....

Bài 5. (1 điểm) Một cơ sở có 1 860 kg cam. Ngày thứ nhất chuyển đi 475 kg, ngày thứ hai chuyển đi nhiều hơn ngày thứ nhất 125 kg. Hỏi cơ sở còn lại bao nhiêu ki-lô-gam cam?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. (1 điểm) Cho các số: 5 980 312; 5 803 120; 6 021 350; 6 003 201.

a) Viết số bé nhất và số lớn nhất.

.....

b) Làm tròn số lớn nhất đến hàng trăm nghìn.

.....

— HẾT ĐỀ —

ĐỀ 04	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số nào dưới đây là số chẵn?

A. 3 B. 7 C. 15 D. 24

Câu 2. Giá trị của biểu thức 56 + 28 : 4 là:

A. 21 B. 63 C. 70 D. 84

Câu 3. Phân số bằng $\frac{3}{4}$ là:

A. $\frac{6}{8}$ B. $\frac{4}{6}$ C. $\frac{9}{16}$ D. $\frac{3}{8}$

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 m² = ... dm²

A. 5 B. 50 C. 500 D. 5 000

Câu 5. Hình nào dưới đây là hình bình hành có hai góc không vuông?

A. B. 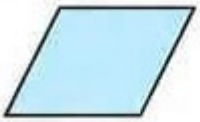 C. D.

Câu 6. Trung bình cộng của các số 12, 18 và 30 là:

A. 20 B. 18 C. 24 D. 60

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) 368 + 254
b) 700 − 328
c) 124 × 3
d) 936 : 4

.....
.....

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) 45 + 27 × 3
b) (256 − 78) : 2
c) 360 − 120 : 4
d) 72 : 8 + 46

.....
.....

Bài 3. Tìm x:

a) x + 125 = 368
b) x × 4 = 320
c) x − 136 = 275
d) 5 × x = 405

.....
.....

Bài 4. Tính:

a) $\frac{3}{5} + \frac{1}{5}$

b) $\frac{7}{8} - \frac{3}{8}$

c) $\frac{2}{3} + \frac{1}{6}$

d) $\frac{5}{6} - \frac{1}{3}$

.....

.....

Bài 5. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng 8 m. Tính chu vi và diện tích của mảnh vườn đó.

.....

.....

.....

Bài 6. Một cửa hàng có 245 kg gạo. Buổi sáng bán được 78 kg gạo, buổi chiều bán được 65 kg gạo. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....

.....

.....

ĐỀ 05	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1. Số "bốn mươi sáu nghìn bảy trăm linh ba" viết là:

A. 46 703 B. 47 603 C. 46 730 D. 46 073

Câu 2. Giá trị của biểu thức 8 750 + 6 430 − 2 180 là:

A. 13 000 B. 12 000 C. 14 000 D. 15 000

Câu 3. Kết quả của phép nhân 125 × 4 là:

A. 420 B. 450 C. 500 D. 520

Câu 4. Phân số nào bằng $\frac{3}{4}$?

A. $\frac{6}{8}$ B. $\frac{4}{6}$ C. $\frac{9}{16}$ D. $\frac{2}{4}$

Câu 5. Hình nào dưới đây là hình bình hành có hai góc không vuông?

A. B. 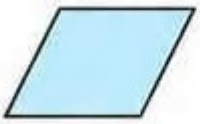 C. D.

Câu 6. Trung bình cộng của các số 24, 36 và 48 là:

A. 32 B. 34 C. 36 D. 38

II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 47 325 + 28 764

b) 82 006 − 35 479

c) 214 × 3

d) 936 : 4

.....

.....

Bài 2. (1 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) 23 450 + 12 780 − 8 600

b) (6 480 − 2 360) : 4

.....

.....

Bài 3. (1 điểm) Tìm x:

a) x + 17 250 = 45 000

b) $x - 8\,960 = 35\,740$

c) $6 \times x = 42\,000$

d) $x : 5 = 7\,840$

.....

.....

Bài 4. (1 điểm) Tính:

a) $\frac{5}{8} + \frac{2}{8}$

b) $\frac{7}{9} - \frac{4}{9}$

c) $\frac{3}{6} + \frac{2}{6}$

d) $\frac{11}{12} - \frac{5}{12}$

.....

.....

Bài 5. (1 điểm) Quan sát hình chữ nhật có chiều dài 6 cm, chiều rộng 4 cm. Viết số thích hợp:

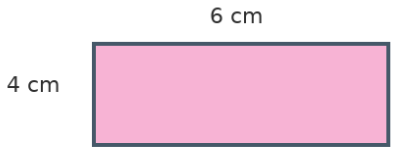

a) Chu vi hình chữ nhật là: .....

b) Diện tích hình chữ nhật là: .....

.....

Bài 6. (1 điểm) Quan sát biểu đồ rồi trả lời câu hỏi:

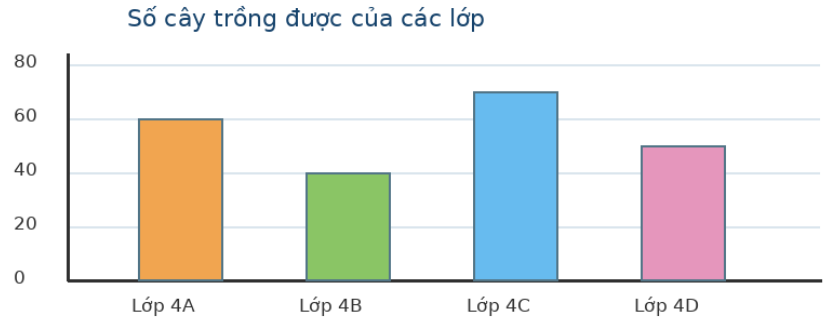

a) Lớp nào trồng được nhiều cây nhất?

b) Lớp nào trồng được ít cây nhất?

c) Lớp 4C trồng được nhiều hơn lớp 4B bao nhiêu cây?

.....

Bài 7. (1 điểm) Một cửa hàng có 325 kg gạo. Buổi sáng bán được 128 kg gạo, buổi chiều bán được 96 kg gạo. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

.....

.....

ĐỀ 06	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1. Số "một trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm nghìn, ba trăm sáu mươi" viết là:

A. 128 400 360 B. 128 040 360 C. 128 004 306 D. 128 400

Câu 2. Số làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được 500 000 là:

A. 409 999 B. 439 000 C. 399 000 D. 495 000

Câu 3. Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

A. VII B. XVIII C. XIX D. XX

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 6 giờ 10 phút = ... phút là:

A. 370 B. 480 C. 470 D. 450

Câu 5. Giá trị của biểu thức 30 465 − 700 × n với n = 8 là:

A. 25 465 B. 24 965 C. 5 600 D. 24 865

Câu 6. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 tấn 5 tạ = ... kg là:

A. 30 050 B. 305 C. 3 500 D. 35

Câu 7. Lớp 4A có 35 học sinh, lớp 4B có nhiều hơn lớp 4A 4 học sinh. Cả hai lớp có số học sinh là:

A. 39 B. 74 C. 47 D. 90

Câu 8. Góc nào bằng tổng 2 góc vuông?

A. Góc nhọn B. Góc bẹt C. Góc tù D. Góc vuông

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 54 176 + 18 032

b) 60 152 − 8 034

c) 15 124 × 3

d) 36 788 : 6

.....

.....

.....

Bài 2. (2 điểm) Ô tô thứ nhất chở được 4 tạ 25 kg hàng, ô tô thứ hai chở được nhiều hơn ô tô thứ nhất 45 kg hàng nhưng ít hơn ô tô thứ ba 36 kg hàng. Hỏi cả ba ô tô chở được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

.....
.....
.....
.....

Bài 3. (1 điểm) Nhà bác An thu hoạch được 12 487 kg cà phê, nhà bác Thành thu hoạch được ít hơn nhà bác An 563 kg cà phê. Hỏi cả hai bác thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?

.....
.....
.....

Bài 4. (1 điểm)

a) Tính bằng cách thuận tiện nhất: $2357 \times 25 + 41 \times 2357 + 2357 \times 34$

b) Điền hai số thích hợp: 1010, 2010, 3010, ..., ...

.....
.....

ĐỀ 07	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1. Số "Chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn không trăm linh tư" được viết là:

A. 90 562 040 B. 9 562 004 C. 9 526 004 D. 9 652 040

Câu 2. Làm tròn số 852 315 792 đến hàng trăm nghìn được số:

A. 852 400 000 B. 850 000 000 C. 852 300 000 D. 852 320 000

Câu 3. Giá trị của chữ số 8 trong số 27 896 154 là:

A. 800 000 B. 80 000 C. 8 000 D. 8 000 000

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 6 giờ 10 phút = ... phút là:

A. 370 B. 480 C. 470 D. 450

Câu 5. Các số thuộc dãy số 1, 3, 5, 7, 9, ... là:

A. 135 và 313 B. 250 và 519 C. 320 và 482 D. 207 và 456

Câu 6. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 tấn 5 tạ = ... kg là:

A. 30 050 B. 305 C. 3 500 D. 35

Câu 7. Giá trị của biểu thức (m + n) : p với m = 25, n = 39, p = 2 là:

A. 18 B. 64 C. 44 D. 32

Câu 8. Nhà Trần được thành lập năm 1226. Năm đó thuộc thế kỉ:

A. XII B. XIII C. XIV D. XI

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (1 điểm) Cho các số: 1 986 675; 2 745 136; 2 965 293; 1 794 852.

a) Các số chẵn là: .....

b) Trong số 1 794 852, chữ số 9 thuộc hàng ....., lớp .....

c) Viết các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.

d) Làm tròn số nhỏ nhất đến hàng chục nghìn được số: .....

.....

Bài 2. (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 7 tạ 25 kg = ... kg

b) 6 tấn 29 yến = ... kg

c) 15 m^2 3 dm^2 = ... dm^2

d) 8 dm² 70 mm² = ... mm²

.....

Bài 3. (2 điểm) Mai đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 8 000 đồng và mua 2 hộp bút chì màu, mỗi hộp giá 25 000 đồng. Hỏi Mai phải trả cô bán hàng tất cả bao nhiêu tiền?

.....

.....

.....

Bài 4. (1 điểm) Nhà bác An thu hoạch được 12 487 kg cà phê, nhà bác Thành thu hoạch được ít hơn nhà bác An 563 kg cà phê. Hỏi cả hai bác thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam cà phê?

.....

.....

Bài 5. (1 điểm)

a) Tính bằng cách thuận tiện nhất: $2026 \times 48 + 51 \times 2026 + 2026 \times 1$

b) Cho các thẻ số 9, 3, 5, 0, 2, 7. Số nhỏ nhất có 6 chữ số lập được từ các thẻ số trên, khi làm tròn đến hàng trăm nghìn, được số nào?

.....

.....

ĐỀ 08	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1: (0,5 điểm) Chữ số 7 trong số 172 938 thuộc hàng là:

A. Hàng chục | B. Hàng trăm | C. Hàng nghìn | D. Hàng chục nghìn

Câu 2: (0,5 điểm) Số lẻ bé nhất có 6 chữ số là:

A. 999 999 | B. 111 111 | C. 100 001 | D. 100 000

Câu 3: (0,5 điểm) Số 9 875 624 làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

A. 9 000 000 | B. 9 900 000 | C. 9 800 000 | D. 10 000 000

Câu 4: (0,5 điểm) Cho hình vẽ dưới đây:

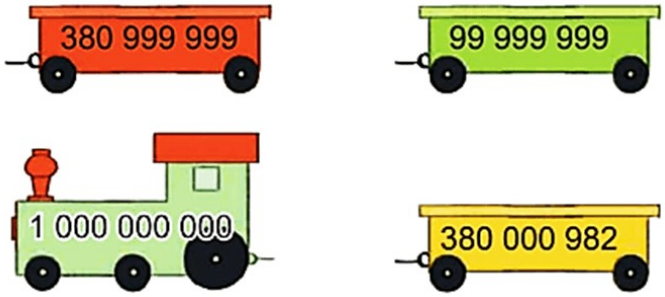

Trong các số ghi trên đầu tàu và toa tàu ở trên, số bé nhất là:

A. 380 999 999 | B. 99 999 999 | C. 1 000 000 000 | D. 380 000 982

Câu 5: (0,5 điểm) Số liền trước của số 200 000 là số:

A. 100 000 | B. 200 001 | C. 199 999 | D. 100 009

Câu 6: (0,5 điểm) Cho hình vẽ dưới đây. Góc có số đo 60° là:

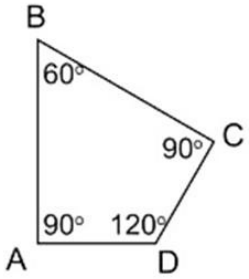

A. Góc đỉnh A; cạnh AB, AD | B. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC | C. Góc đỉnh C; cạnh CB, CD | D. Góc đỉnh D; cạnh DC, DA

Câu 7: (0,5 điểm) Năm 2024 thuộc thế kỉ là:

A. XIX B. XX C. XXI D. XXII

Câu 8: (0,5 điểm) Giá trị của biểu thức (m + 4) × 3 với m = 21 là:

A. 75 B. 21 C. 25 D. 12

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. Đúng ghi Đ, sai ghi S: (1 điểm)

a) Số 1 387 000 làm tròn đến hàng trăm nghìn được 1 300 000. ☐

b) Số lẻ nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là 33. ☐

c) So sánh: 99 999 999 > 1 000 000 000. ☐

d) Chữ số 7 ở số 345 678 910 thuộc hàng chục nghìn. ☐

Câu 10. Tính giá trị của biểu thức: (1 điểm)

a) 8 000 × 5 : 4 b) 13 206 × (28 : 7)

.....

.....

Câu 11. Điền số thích hợp vào chỗ trống: (1 điểm)

a) 6 tạ 5 kg = ... kg

b) 9 234 cm² = ... dm² ..... cm²

c) 5 phút 48 giây = ... giây

d) 5 thế kỉ = ... năm

Câu 12. Tâm đến cửa hàng văn phòng phẩm mua 5 quyển vở, mỗi quyển giá 8 000 đồng và mua 1 hộp bút chì màu giá 25 000 đồng. Tâm đưa cho cô bán hàng 100 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Tâm bao nhiêu tiền? (2 điểm)

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 13. Cho các chữ số 1, 0, 5, 3, 7 và 8. Lập số lớn nhất và số bé nhất có 6 chữ số khác nhau từ các chữ số trên. (1 điểm)

.....

.....

ĐỀ 09	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

Câu 1. Viết tiếp vào chỗ chấm.

Cho số: 85 476 350

- Giá trị của chữ số 6 là: .....
- Các chữ số thuộc lớp triệu là: .....

Câu 2. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.

a) Làm tròn số 87 524 600 đến hàng trăm nghìn được số:

A. 88 524 600 B. 88 000 000 C. 87 500 000

b) Làm tròn số 9 873 725 đến hàng nghìn được số:

A. 9 874 000 B. 9 800 000 C. 9 870 000

c) Số gồm có: 9 chục triệu, 4 nghìn, 4 trăm, 3 chục là:

A. 90 404 300 B. 90 004 430 C. 90 004 403

Câu 3. Điền chữ hoặc số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Kho thứ nhất chứa 5 tấn 45 kg gạo, kho thứ hai chứa 55 tạ gạo, kho thứ ba chứa 5 tấn 5 yến gạo. Kho chứa nhiều gạo nhất là kho .....

b) Quang Trung đại phá quân Thanh năm 1789. Năm đó thuộc thế kỉ .....

c) Bạn Minh chạy bộ hết 90 giây, bạn An chạy hết 1 phút 35 giây, bạn Bình chạy hết 2 phút. Bạn chạy nhanh nhất trong ba bạn là: .....

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

A. Góc nhọn là góc có số đo bé hơn 90°. ☐

B. Góc tù là góc có số đo bằng 90°. ☐

C. Góc bẹt là góc có số đo bằng hai lần góc vuông. ☐

D. Trong các góc đã học, góc lớn nhất là góc bẹt. ☐

Câu 5. Nối hai số đo có cùng giá trị:

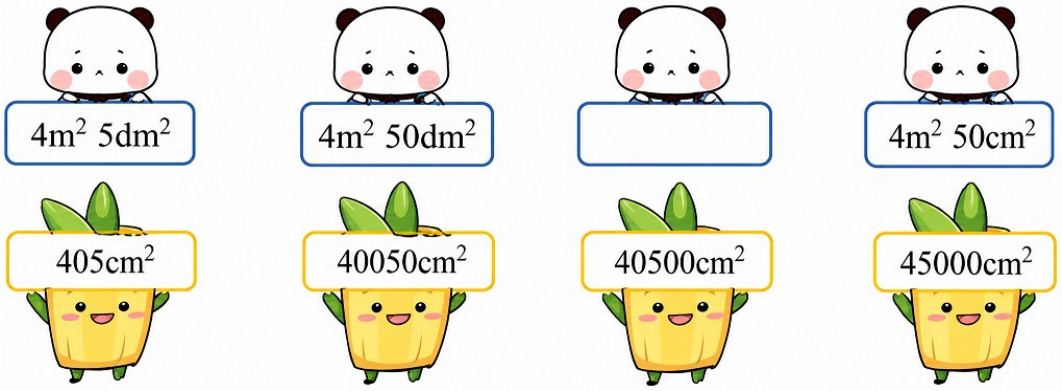

Câu 6. Đặt tính rồi tính:

a) 47 516 + 25 348 b) 96 253 − 35 846

.....

.....

c) 5 328 × 3 d) 47 635 : 7

.....

.....

Câu 7. Trong hình bên:

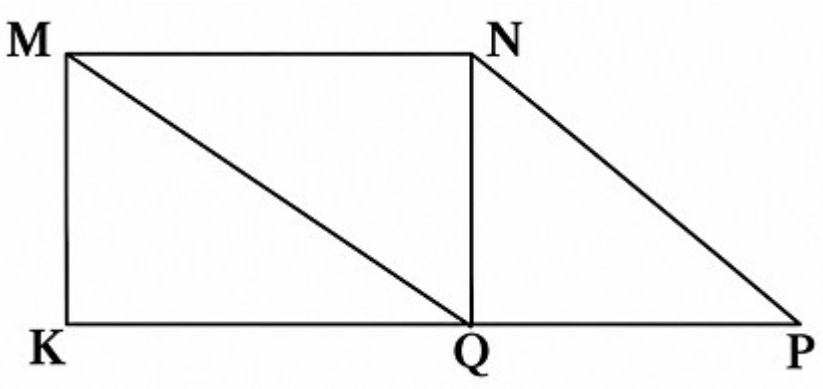

a) Các cặp đường thẳng vuông góc với nhau là:

.....

.....

b) Các cặp đường thẳng song song với nhau là:

.....

.....

Câu 8. Bác Hùng có 960 con vịt, số con gà nhiều hơn số con vịt là 98 con, số con ngan ít hơn số con vịt là 128 con. Hỏi bác Hùng nuôi tất cả bao nhiêu con vịt, gà và ngan?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Trong các số: 5 671; 7 724; 51 289; 5 007; 45 778. Các số lẻ là:

.....

b) Với ba chữ số 6; 7; 8, hãy viết tất cả các số có ba chữ số là số chẵn sao cho mỗi số có cả ba chữ số đó.

Các số đó là: .....

ĐỀ 10	ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2026-2027 MÔN: TOÁN LỚP 4

I. TRẮC NGHIỆM

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Số "Tám trăm triệu" có số chữ số 0 là:

A. 7 số B. 8 số C. 9 số D. 6 số

Câu 2. Chữ số 5 trong số 256 092 431 thuộc hàng:

A. Chục triệu B. Trăm triệu C. Trăm nghìn D. Triệu

Câu 3. Số liền trước của số 8 000 000 là:

A. 7 999 989 B. 7 999 000 C. 7 999 899 D. 7 999 999

Câu 4. Điền câu thích hợp vào chỗ chấm. Góc đỉnh A; cạnh AN, AC là .....

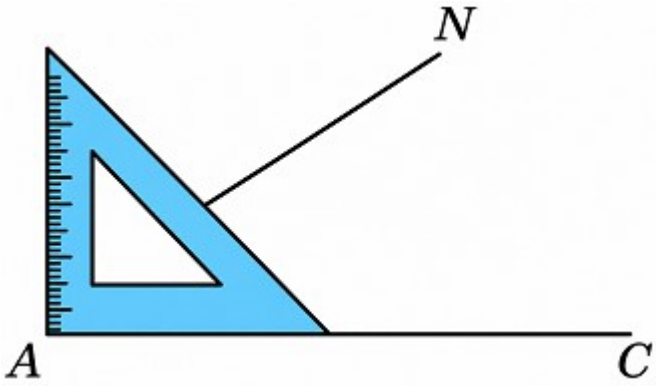

A. Góc vuông B. Góc nhọn C. Góc tù D. Góc bẹt

Câu 5. Cầu Long Biên được đưa vào sử dụng năm 1903. Năm đó thuộc thế kỉ nào?

A. XVIII B. XIX C. XX D. XXI

Câu 6. Người ta đóng 27 chiếc bánh vào 3 hộp đều nhau. Hỏi 4 104 chiếc bánh thì đóng được bao nhiêu hộp bánh như thế?

A. 456 hộp B. 420 hộp C. 385 hộp D. 386 hộp

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) 345 534 534 > 354 435 543. ☐

b) Số 810 753 có chữ số hàng trăm là 8 và 7. ☐

c) 7 207 200 = 7 000 000 + 200 000 + 7 000 + 200. ☐

d) Số 27 840 653 có ba chữ số thuộc lớp triệu. ☐

Bài 3: Giúp các chú ong sau khi lấy mật, tìm đường về đúng tổ bằng cách nối các số bên trái với điều kiện thích hợp bên phải.

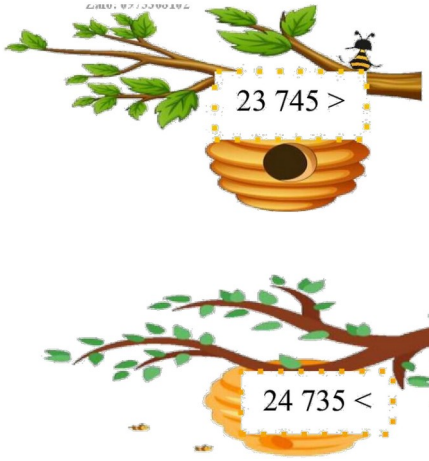

25 350
24 835
24 853
23 475
23 457
25 350

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Điền vào chỗ trống:

Cho các số 7 682 536, 6 830 042, 8 875 123, 6 305 960

a) Số có chữ số 6 vừa thuộc lớp triệu vừa thuộc lớp đơn vị là: .....

b) Giá trị của chữ số 8 trong số 6 830 042 là: .....

c) Các số trên được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

.....

d) Làm tròn số lớn nhất đến hàng trăm nghìn được số: .....

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 31 yến = ... yến b) 19 tạ 7 kg = ... kg

c) 6 phút 45 giây = ... giây d) 317 năm = ... thế kỉ ..... năm

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 1 542 + 2 816 + 5 184 + 1 458

.....

.....

b) 5 430 + (13 128 + 570)

.....

.....

Câu 4. Trong kho nhà bác Tuấn có 2 580 kg gạo. Bác phải đem chở gạo đến các cửa hàng phân phối gạo. Ngày thứ nhất bác chở được 859 kg gạo, ngày thứ hai bác chở được ít hơn ngày thứ nhất 89 kg, ngày thứ ba bác chở được 864 kg. Hỏi bác Tuấn còn phải chở bao nhiêu ki-lô-gam đến các nhà phân phối?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ trống. Trong hình bên có:

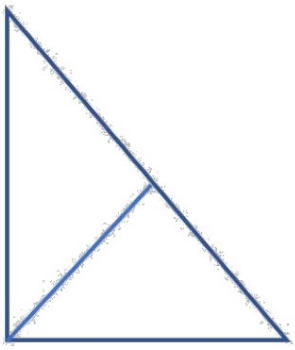

..... góc vuông

..... góc nhọn

..... góc tù

Câu 6*. Một số sau khi làm tròn đến hàng trăm nghìn cho kết quả là 400 000. Số đó có thể lớn nhất là bao nhiêu, nhỏ nhất là bao nhiêu?

.....

.....

.....